

THỰC TRẠNG HOẠT ĐỘNG DẠY/HỌC MÔ-ĐUN 1 QUA PHẢN HỒI CỦA SINH VIÊN Y KHOA NĂM THỨ NHẤT TẠI TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC THÁI BÌNH

Lê Xuân Hưng^{1*}, Nguyễn Thị Thu Oanh¹,
Bùi Thị Lệ Quyên¹, Nguyễn Thị Hạnh¹, Đinh Thị Thúy¹

TÓM TẮT

Mục tiêu: Đánh giá thực hiện trạng hoạt động dạy/học mô-đun 1 qua phản hồi của sinh viên y khoa năm thứ nhất tại Trường Đại học Y Dược Thái Bình. **Phương pháp:** Mô tả thông qua cuộc điều tra cắt ngang trên 504 sinh viên ngành y khoa năm thứ nhất năm học 2019 - 2020. **Kết quả:** Hệ thống elearning của Nhà trường được sinh viên đánh giá ở mức độ tốt (điểm trung bình 2,42/3,0); sinh viên tự đánh giá hoạt động thảo luận nhóm và việc giải thích, nhận xét các nội dung học tập được diễn ra thường xuyên ở các buổi học của mô-đun 1; sinh viên đánh giá đã có sự tích hợp các nội dung giảng dạy trong mô-đun (điểm trung bình 2,46/3,0); thực trạng hoạt động của các thiết bị phục vụ giảng dạy và học tập ở mức bình thường (điểm trung bình 2,01/3,0); Hoạt động giảng dạy của giảng viên được sinh viên đánh giá ở mức độ trung bình (điểm trung bình 2,18/3,0). **Kết luận:** Sinh viên đánh giá tương đối tích cực về hoạt động dạy/học mô-đun 1 tại Trường Đại học Y Dược Thái Bình

Từ khóa: *Đánh giá, Phản hồi, Mô-đun, Tích hợp, Sinh viên ngành y khoa.*

ABSTRACT

CURRENT ACTIVITIES OF TEACHING/LEARNING MODULE 1 THROUGH FEEDBACK OF THE FIRST YEAR OF MEDICAL STUDENTS AT THAI BINH UNIVERSITY OF MEDICINE AND PHARMACY

Objectives: Evaluation of the current situation of teaching/learning module 1 through feedback from first-year medical students at Thai Binh University of Medicine and Pharmacy. **Method:** Description through a cross-sectional survey on 504 first-year medical students, academic year 2019-2020. **Results:** The university's elearning system is evaluated by students. at a good

1. Trường Đại học Y Dược Thái Bình

*Chịu trách nhiệm chính: Lê Xuân Hưng

Email: hunglx@tbump.edu.vn

Ngày nhận bài: 09/11/2021

Ngày phản biện KH: 22/11/2021

Ngày duyệt bài: 03/12/2021

level (average score of 2.42/3.0); students self-assessed group discussion activities and the explanation and commenting of learning contents that take place regularly in the lessons of module 1 (average score of 2.53/3.0); students assessed that there was an integration of the teaching content in module 1 (average score of 2.46/3.0); The operational status of equipment for teaching and learning is at a normal level (average score of 2.01/3.0) and The teaching activities of the lecturers are rated at an average level by the students. average score of 2.18/3.0). **Conclusion:** Students rated relatively positively about the teaching/learning activities of Module 1 at Thai Binh University of Medicine and Pharmacy

Keywords: *Evaluation, Feedback, Module, Medical students, Integration.*

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Hệ thống giáo dục y khoa ở Việt Nam đang phải đối mặt với những thách thức trong việc đáp ứng nhu cầu ngày càng tăng về sức khỏe và nhu cầu việc làm trong bối cảnh một nền kinh tế và dịch tế học đang thay đổi nhanh chóng. Đối với Việt Nam và các nước Đông Nam Á, việc hội nhập vào khối ASEAN sẽ dẫn đến tự do di chuyển của nhân viên chăm sóc y tế và người bệnh. Vì vậy, nhu cầu cấp thiết hiện nay là cập nhật hệ thống giáo dục y tế của các nước bao gồm chương trình giảng dạy đại học và các phương pháp giảng dạy, học tập [1].

Trên thực tế mô hình đào tạo của thế giới có từ thế hệ thứ nhất (cách đây hơn 1 thế kỷ) và đến nay đã có 3 thế hệ mô hình đào tạo y khoa thay đổi. Mô hình đào tạo y khoa của Việt Nam cũng đã có những giai đoạn đi theo dòng lịch sử phát triển của y khoa thế giới nhưng còn chậm và có những giai đoạn bị gián đoạn do nhiều yếu tố khách quan. Vì thế, để đào tạo nhân lực y tế có năng lực đáp ứng được nhu cầu của hệ thống y tế hiện nay cần đổi mới chương trình đào tạo.

Trường Đại học Y Dược Thái Bình với sứ mạng đào tạo nguồn nhân lực khối ngành khoa học sức khỏe đa ngành, đa cấp có chất lượng vì mục tiêu chăm sóc và bảo vệ sức khỏe nhân dân, đáp ứng yêu cầu sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện

đại hóa đất nước và hội nhập quốc tế thì việc đổi mới chương trình đào tạo là một xu thế tất yếu.

Trường Đại học Y Dược Thái Bình bắt đầu triển khai thực hiện chương trình đào tạo ngành y khoa đổi mới từ năm học 2018-2019 tuy nhiên đối với mô-đun 1 thì việc học ghép lớp, thi theo hình thức trắc nghiệm và elearning mới được thực hiện đồng bộ từ năm học 2019-2020. Để đánh giá được hiệu quả cũng như những hạn chế cần khắc phục của việc dạy và học theo chương trình đổi mới đối với sinh viên ngành Y khoa chúng tôi thực hiện nghiên cứu với mục tiêu “Mô tả thực trạng hoạt động dạy/học mô-đun 1 thông qua phản hồi của sinh viên Y khoa năm thứ nhất năm học 2019 - 2020”.

II. ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1. Đối tượng nghiên cứu

- Đối tượng nghiên cứu: Sinh viên ngành y khoa năm thứ nhất (hệ 6 năm) của trường Đại học Y Dược Thái Bình, năm học 2019-2020. Tiêu chuẩn loại trừ đối tượng nghiên cứu: Sinh viên không đồng ý tham gia nghiên cứu hoặc trả lời không đầy đủ các nội dung trong phiếu điều tra.

- Thời gian nghiên cứu: Từ tháng 12/2019 – 5/2020.

2.2. Phương pháp nghiên cứu

- Thiết kế nghiên cứu: Đề tài được thực hiện theo thiết kế nghiên cứu mô tả qua cuộc điều tra cắt ngang có phân tích kết hợp nghiên cứu định tính và nghiên cứu định lượng.

- Cỡ mẫu và phương pháp chọn mẫu nghiên cứu: Chọn toàn bộ 566 sinh viên ngành y khoa năm thứ nhất năm học 2019 – 2020.

- Nội dung nghiên cứu là những thông tin phản hồi của sinh viên về các mảng thuộc hoạt động dạy và học, gồm:

+ Thực trạng về cơ sở vật chất phục vụ giảng dạy và học tập, hệ thống elearning;

+ Thực trạng về hoạt động học tập trên lớp của sinh viên;

+ Hoạt động của giảng viên;

+ Ưu nhược điểm của lớp học ghép đồng sinh viên;

+ Tích hợp các nội dung trong mô-đun 1.

2.3. Phương pháp xử lý số liệu

Làm sạch số liệu để hạn chế lỗi sau điều tra và nhập số liệu. Nhập số liệu bằng phần mềm Epi Data 3.1, sau đó số liệu được chuyển sang Stata 12.0 để phân tích.

Kết quả được biểu diễn bằng tỷ lệ % và giá trị trung bình.

Sinh viên đánh giá mức độ đáp ứng của các biến số thông qua sử dụng thang đo Likert 3 mức độ, giá trị khoảng cách (Maximum – Minimum)/n = (3-1)/3 = 0,67.

Ý nghĩa các mức như sau:

1,0 ≤ ĐTB < 1,67: Không/Không đồng ý /Không bao giờ/Không phù hợp/Không ổn định;

1,67 ≤ ĐTB < 2,33: Một phần/ Không ý kiến/Thỉnh thoảng /Trung bình/Bình thường;

2,33 ≤ ĐTB < 3,0: Có/Đồng ý/ Thường xuyên / Phù hợp/Chất lượng tốt.

2.4. Vấn đề đạo đức trong nghiên cứu

- Sự tham gia của tất cả các đối tượng vào nghiên cứu hoàn toàn mang tính tự nguyện và mọi thông tin về đối tượng nghiên cứu được giữ bí mật.

- Các dữ liệu, thông tin thu thập trong các báo cáo được cam kết dùng cho mục đích nghiên cứu mà không phục vụ cho bất kỳ một mục đích nào khác.

III. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU VÀ BÀN LUẬN

Nghiên cứu thực hiện khảo sát trên 566 sinh viên ngành y khoa năm thứ nhất năm học 2019 - 2020, kết quả có **504** phiếu đạt yêu cầu để đưa vào phân tích kết quả (chiếm tỷ lệ 89,05%).

Bảng 1. Đặc điểm chung đối tượng nghiên cứu (n= 504)

Đối tượng	Thi tuyển	Tuyển thẳng	Dự bị	Lưu học sinh	Tổng	
					n	(%)
Nam	159	01	19	30	209	41,47
Nữ	252	07	14	22	295	58,53
Tổng	411 (81,55%)	08 (1,59%)	33 (6,54%)	52 (10,32%)	504	100

Kết quả nghiên cứu được thể hiện trong Bảng 1 cho thấy sự đa dạng về nguồn tuyển sinh đối tượng sinh viên ngành y khoa của Trường Đại học Y Dược Thái Bình trong đào tạo, nhưng vẫn tập trung chủ yếu từ đối tượng thi tuyển (chiếm 81,55%) và đào tạo sinh viên quốc tế (chiếm 10,32%); tỷ lệ sinh viên nữ (chiếm 58,53%) nhiều hơn nam (chiếm 41,47%).

Bảng 2. Đánh giá về thực trạng hoạt động của các thiết bị phục vụ giảng dạy và học tập (n=504)

Cơ sở vật chất	Mức độ						ĐTB
	Chất lượng tốt		Bình thường		Không ổn định		
	n	(%)	n	(%)	n	(%)	
Micro	44	8,73	300	59,52	160	31,75	1,76
Máy chiếu	108	21,43	322	63,89	74	14,68	2,06
Màn hình thông minh	270	53,57	208	41,27	26	5,16	2,48
Wifi	144	28,57	250	49,60	110	21,83	1,93
ĐTB chung =							2,01

Kết quả nghiên cứu được thể hiện tại Bảng 2 cho thấy, đánh giá của sinh viên về thực trạng hoạt động của các trang thiết bị phục vụ việc học tập trên lớp: có 53,57% sinh viên đánh giá màn hình thông minh thường xuyên hoạt động tốt và ổn định; máy chiếu, wifi và micro có tỷ lệ đánh giá ở mức độ chất lượng tốt lần lượt là 21,43%, 28,56% và 8,73%. Kết quả đánh giá dựa trên thang đo Likert 3 mức độ thì chỉ có màn hình thông minh ở mức độ chất lượng tốt với điểm trung bình (ĐTB) là 2,48; các trang thiết bị còn lại được đánh giá ở mức độ trung bình.

Lớp ghép với đặc thù có sĩ số từ 130 đến 150 sinh viên nên việc sử dụng nhiều màn hình thông minh bên cạnh màn chiếu projector sẽ giúp cho các sinh viên ngồi ở mọi vị trí của phòng học đều có thể theo dõi các nội dung của bài giảng. Bên cạnh đó, có 31,75% sinh viên đánh giá hoạt động của micro là chưa tốt, có thể lý giải thích rằng, bởi diện tích lớp học rộng nên khi giảng viên di chuyển xuống lớp, ra xa bộ thu nhận tín hiệu thì micro hoạt động không ổn định. Tỷ lệ 21,83% sinh viên đánh giá hệ thống wifi tại các phòng học hoạt động không ổn định, thường bị lag, điều này có thể xảy ra bởi vị trí lắp wifi tại các tầng và số lượng sinh viên truy cập tại cùng một thời điểm.

Bảng 3. Đánh giá của sinh viên về hệ thống elearning (n=504)

Biến số	Mức độ						ĐTB
	Đồng ý		Không có ý kiến		Không đồng ý		
	n	(%)	n	(%)	n	(%)	
Truy cập dễ dàng và ổn định	290	57,54	190	37,70	24	4,76	2,49
Nội dung đáp ứng được yêu cầu thông tin về môn học	202	40,08	280	55,56	22	4,37	2,35
ĐTB chung =							2,42

Kết quả tại Bảng 3 cho thấy sinh viên đánh giá hệ thống Elearning của Nhà trường truy cập dễ dàng và ổn định với điểm trung bình 2,49; có nội dung của trang Elearning đáp ứng được yêu cầu thông tin của môn học (điểm trung bình 2,35).

Với mục tiêu nâng cao chất lượng đào tạo cũng như năng lực tự học của sinh viên, thông qua hệ thống Elearning sinh viên tiếp nhận các thông tin cần thiết về mô-đun như mục tiêu học tập, phương pháp học tập, tài liệu học tập, tình huống lâm sàng và chiến lược lượng giá...

Bảng 4. Tự đánh giá về hoạt động học tập trên lớp của sinh viên (n=504)

Biến số	Mức độ						ĐTB
	Thường xuyên		Thỉnh thoảng		Không bao giờ		
	n	(%)	n	(%)	n	(%)	
Thảo luận nhóm	308	61,11	170	33,73	26	5,16	2,56
Giải thích, nhận xét các nội dung học tập	252	50,00	246	48,80	6	1,20	2,49
ĐTB chung =							2.53

Kết quả nghiên cứu tại Bảng 4 cho thấy, hoạt động thảo luận nhóm và việc giải thích, nhận xét các nội dung học tập được diễn ra thường xuyên ở các buổi học của mô-đun 1 với điểm trung bình lần lượt là 2,56 và 2,49. Khi sinh viên có sự chuẩn bị nội dung học thì hoạt động thảo luận nhóm được tiến hành thường xuyên sẽ giúp cho người học nắm bắt được vấn đề tốt hơn, hiểu sâu hơn nội dung bài giảng.

Bảng 5. Sinh viên đánh giá về hoạt động của giảng viên (n=504)

Biến số	Mức độ						ĐTB
	Đồng ý		Không có ý kiến		Không đồng ý		
	n	(%)	n	(%)	n	(%)	
Triển khai các bài giảng theo đúng mục tiêu	344	68,25	140	27,78	20	3,97	2,64
Phân bố thời gian hợp lý cho các mục tiêu	200	39,68	178	35,32	126	25	2,15
Công bố đáp án và giải thích các câu hỏi pretest	58	11,51	234	46,43	212	42,06	1,69
Sử dụng câu hỏi kích thích tư duy logic	170	33,73	258	51,19	76	15,08	2,19
Sử dụng thành thạo các thiết bị dạy học	166	32,94	300	59,52	38	7,54	2,25
ĐTB chung =							2,18

Kết quả tại bảng 5 cho thấy sinh viên đánh giá hoạt động triển khai các bài giảng theo đúng mục tiêu của giảng viên ở mức độ cao (điểm trung bình 2,64); đánh giá ở mức độ trung bình đối với việc giảng viên phân bố thời gian hợp lý, công bố đáp án và giải thích các câu hỏi pretest, sử dụng câu hỏi kích thích tư duy logic, sử dụng thành thạo các thiết bị dạy học với điểm số lần lượt 2,15; 1,69; 2,19 và 2,25.

Kết quả của chúng tôi cao hơn nghiên cứu của Bùi Thị Lệ Quyên về tiêu chí tính đáp ứng của nội dung giảng dạy với mục tiêu học tập với điểm đánh giá của sinh viên tương ứng là 2,64 và 2,45 [2].

Điều này cho thấy các giảng viên đã có sự chuẩn bị và đầu tư nhất định cho nội dung các bài giảng của bản thân.

Bảng 6. Ưu nhược điểm của lớp ghép (n=504)

Ý kiến		n	(%)
Ưu điểm	Học được nhiều cách tư duy, nhiều hướng suy nghĩ và nhìn nhận vấn đề	424	86,11
	Dễ trao đổi kiến thức, tinh thần học tập sôi nổi hơn	284	56,35
	Tăng khả năng thuyết trình và tự tin hơn trước đám đông	356	70,63
Nhược điểm	Lớp học dễ bị ồn ào, khó tập trung vào bài học	450	89,29
	Giảng viên mất nhiều thời gian cho việc giải đáp các câu hỏi của các nhóm	310	61,51
	Ít được tương tác với giảng viên	356	70,63

Kết quả tại Bảng 6 cho thấy ưu điểm nổi bật của lớp học ghép là sinh viên học nhiều các tư duy, nhiều hướng suy nghĩ và nhìn nhận vấn đề với 86,11% sinh viên đồng ý với ý kiến này, 70,63% sinh viên cho rằng lớp ghép giúp tăng khả năng thuyết trình và tự tin hơn trước đám đông và có 56,35% sinh viên khẳng định lớp ghép có tinh thần học tập sôi nổi hơn, dễ dàng trao đổi kiến thức. Hình thức học thảo luận nhóm giúp sinh viên có cơ hội trình bày hướng suy nghĩ, ý kiến của bản thân về chủ đề học tập, từ đó giúp sinh viên tự tin và tăng khả năng thuyết trình trước đám đông. Bên cạnh những ưu điểm, lớp ghép cũng có những nhược điểm khó tránh. 89,29% sinh viên thấy lớp ghép sẽ dễ bị ồn ào, khó tập trung vào bài học. 70,63% sinh viên cho rằng lớp ghép làm cho cơ hội tương tác với với giảng viên giảm do mất nhiều thời gian cho việc giải đáp câu hỏi của các nhóm. Giảng viên mất nhiều thời gian cho việc giải đáp các câu hỏi của các nhóm (chiếm 61,51%)

Bảng 7. Phản hồi về tính tích hợp của mô-đun

Biểu hiện	Mức độ						ĐTB
	Đồng ý		Đồng ý một phần		Không đồng ý		
	n	(%)	n	(%)	n	(%)	
Nội dung các bài giảng của mô-đun không có sự chồng chéo kiến thức giữa các môn học	419	83,14	61	12,10	24	4,76	2,86
Các bài giảng có sự lồng ghép giữa kiến thức đại cương và y học	339	67,26	143	28,37	22	4,37	2,63
Nội dung học tập đảm bảo tính logic và tạo cơ sở cho việc học tập các mô-đun sau	244	48,41	222	44,05	38	7,54	2,41
Các tình huống lâm sàng liên môn	45	8,93	238	47,22	221	43,85	1,92
ĐTB chung =							2,46

Kết quả tại bảng 7 cho thấy: sinh viên đánh giá nội dung bài giảng của mô-đun 1 không có sự chông chéo kiến thức giữa các môn học với điểm trung bình 2,86. Có được điều này là do trong quá trình xây dựng nội dung chương trình của mô-đun 1, những nội dung kiến thức chông chéo đã được lược bớt, bộ môn đảm nhiệm phần kiến thức nào sẽ phải giảng dạy phần kiến thức đó một cách sâu sắc và đáp ứng được yêu cầu về kiến thức đó của các bộ môn còn lại; nhận định có sự lồng ghép giữa kiến thức đại cương và y học trong các bài giảng của mô-đun 1 với điểm trung bình 2,63. Điều này cho thấy sự đầu tư cũng như chất lượng bài giảng của các giảng viên ngày càng được nâng cao và tiệm cận với các nội dung chuyên ngành của người học, tạo nên sự hứng thú của sinh viên đối với nội dung học tập. Bên cạnh đó, sinh viên cũng đánh giá tiêu chí nội dung học tập đảm bảo tính logic và tạo cơ sở cho việc học tập các mô-đun sau với điểm trung bình là 2,41. Tuy nhiên, sinh viên cho rằng nội dung mô-đun có ít các tình huống lâm sàng liên môn với điểm trung bình 1,92.

Kết quả nghiên cứu của chúng tôi có cao hơn so với nghiên cứu của Bùi Thị Lệ Quyên và cộng sự về phản hồi của sinh viên năm thứ nhất về tổ chức dạy học theo chương trình đào tạo y khoa đổi mới tại trường Đại học Y Dược Thái Bình năm học 2018 – 2019, kết quả cho thấy: có 60,15% sinh viên hứng thú với các mô-đun năm thứ nhất, 50,6% ý kiến cho rằng giảng viên thường xuyên liên hệ bài học với thực tế và kiến thức liên môn [2]; và thấp hơn nghiên cứu của Lê Khắc Bảo với 89% giảng viên và sinh viên chỉ ra rằng nội dung giảng dạy được tích hợp giữa các môn khoa học cơ bản và với các ứng dụng lâm sàng, chương trình giảng dạy mới được tích hợp nhiều hơn giữa các môn khoa học cơ bản (84%) và với các ứng dụng lâm sàng (89%) [3].

IV. KẾT LUẬN

Qua khảo sát 504 sinh viên ngành y khoa năm thứ nhất của Trường Đại học Y Dược Thái Bình, năm học 2019 - 2020, chúng tôi đưa ra một số kết luận sau:

- Sinh viên đánh giá thực trạng hoạt động của các thiết bị phục vụ giảng dạy và học tập ở mức bình thường (ĐTB 2,01), trong đó màn hình thông minh được đánh giá ở mức độ chất lượng tốt với điểm trung bình là 2,48.

- Hệ thống elearning của Nhà trường được sinh viên đánh giá ở mức độ tốt (ĐTB 2,42).

- Sinh viên tự đánh giá hoạt động thảo luận nhóm và việc giải thích, nhận xét các nội dung học tập được diễn ra thường xuyên ở các buổi học của mô-đun 1.

- Hoạt động giảng dạy của giảng viên được sinh viên đánh giá ở mức độ trung bình (ĐTB 2,18), trong đó sinh viên đánh giá giảng viên triển khai các bài giảng theo đúng mục tiêu đã đề ra.

- Sinh viên đánh giá đã có sự tích hợp các nội dung giảng dạy trong mô-đun 1 với điểm trung bình chung là 2,46.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. **Hoàng Hoa Sơn (2019)**. Đổi mới nhân lực ngành Y tế, Cục Khoa học Công nghệ và Đào tạo Bộ Y tế, Hà Nội.
2. **Bùi Thị Lệ Quyên (2019)**. Phản hồi của sinh viên năm thứ nhất về tổ chức dạy học theo chương trình đào tạo y khoa đổi mới tại Trường Đại học Y Dược Thái Bình năm học 2018 – 2019, Đề tài Khoa học công nghệ cấp cơ sở trường Đại học Y Dược Thái Bình.
3. **Le, Bao Khac (2018)**. Evaluation of the first Curriculum Year of the new Integrated and Interactive Curriculum at the University of Medicine and Pharmacy at HoChiMinh City (UMP), Vietnam. Master's thesis, Harvard Medical School.